

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Global Pacific
Năm 2023

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.**

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Vận tải Biển Global Pacific/Global Pacific Shipping Joint Stock Company
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305020272
- Vốn điều lệ (tính đến 31/12/2023): 500.354.930.000 đồng (Năm trăm tỷ ba trăm năm mươi bốn triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng chẵn.)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tính đến 31/12/2023): 500.131.330.000 đồng (Năm trăm tỷ một trăm ba mươi một triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng chẵn)
- Địa chỉ: Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu văn phòng -Thương mại – Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus), 3A-3B Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 028.62582330/028.62582331
- Số Fax: 028.62582334
- Website: www.pct.com.vn
- Mã cổ phiếu: PCT
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Global Pacific (PCT), trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long được thành lập vào ngày 04/06/2007 với các cổ đông sáng lập là Tổng Công ty khí (PV Gas), Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans) và Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam (PV Gas South). Ngày 12/9/2011, Công ty chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là PCT. Sự kiện này đã đánh dấu một điểm mốc quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của Công ty. Ngày 24/09/2018, Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans) đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại PCT và không còn là cổ đông lớn của PCT. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu khi thành lập là vận tải hành khách bằng taxi sử dụng nhiên liệu sạch LPG, CNG, cho thuê xe văn phòng, kinh doanh mua bán LPG, CNG,... Trải qua hơn 10 năm hoạt động, Công ty đã không ngừng tìm kiếm các cơ hội kinh doanh mới như: kinh doanh vận tải nhiên liệu bằng xe bồn, cung cấp dịch vụ kỹ thuật bảo dưỡng và nâng cao tuổi thọ công trình, kinh doanh mua bán xe ô tô, kinh doanh vận tải thủy nội địa,... Tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018, Công ty chính thức chấm dứt hoạt động kinh doanh vận tải xe, chuyển hướng sang lĩnh vực vận tải biển bao gồm quản lý và khai thác tàu. Hiện nay, Công ty tiếp tục hoạt động ổn định trong lĩnh vực này.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; bán buôn kim loại và quặng kim loại; cung ứng và quản lý nguồn lao động; bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất

thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; dịch vụ lưu trú ngắn ngày; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển; sản xuất ô tô và xe có động cơ khác; sản xuất điện; truyền tải và phân phối điện; bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; bán buôn thực phẩm; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; quảng cáo; hoạt động thiết kế chuyên dụng; khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; đóng tàu và cấu kiện nổi; sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu; sửa chữa thiết bị khác; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa; vận tải hành khách đường bộ khác; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; kiểm tra và phân tích kỹ thuật; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; cho thuê xe có động cơ; dịch vụ hỗ trợ giáo dục; bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống); đại lý ô tô và xe có động cơ khác; bốc xếp hàng hóa; hoạt động tư vấn quản lý.

- Địa bàn kinh doanh: Toàn quốc.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

❖ **Mô hình quản trị:** Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.

❖ **Cơ cấu bộ máy quản lý:**

- **Đại hội đồng cổ đông:** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, được tổ chức mỗi năm 01 lần. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ thảo luận và thông qua các báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; quyết định phương án đầu tư, thanh lý tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty; bầu, bãi nhiệm thành viên HĐQT, BKS và các quyết định khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

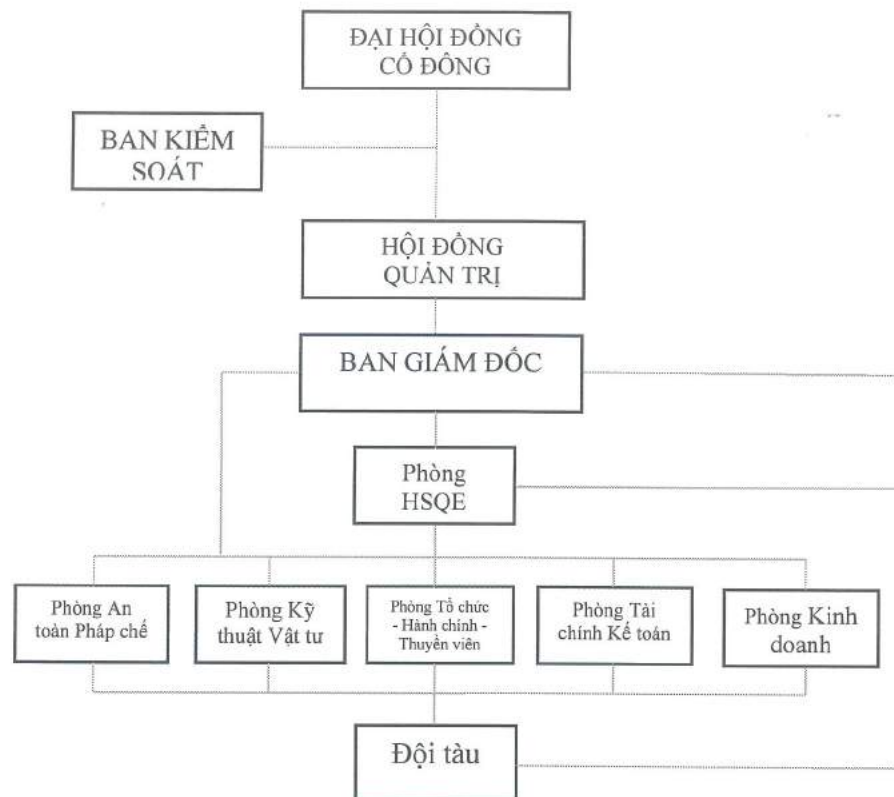
- **Hội đồng quản trị:** HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra, gồm 6 thành viên với nhiệm kỳ 5 năm. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- **Ban Kiểm soát:** là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của Cổ đông. Ban Kiểm soát hiện có 3 thành viên.

- **Ban điều hành của Công ty:** gồm 01 Giám đốc và 03 Phó Giám đốc. Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT, về tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phó Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của Giám đốc.

- **Các phòng chức năng chuyên môn, chi nhánh:** gồm Phòng HSQE, Phòng Tổ chức - Hành chính - Truyền viên, Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng Hàng hải, Phòng Kỹ thuật Vật tư, Phòng Kinh doanh.

➤ **Sơ đồ tổ chức**



4. Định hướng phát triển năm 2023

➤ Mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2023

- Doanh thu: 409.437 triệu đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 47.107 triệu đồng;
- Nộp ngân sách nhà nước: 9.990 triệu đồng.

➤ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tập trung phát triển, tăng cường tìm kiếm và mở rộng các đối tượng khách hàng đối với dịch vụ quản lý tàu.
- Tăng cường làm việc, đàm phán với các đối tác trong và ngoài nước để tìm kiếm khách hàng cho các tàu mà công ty đang sở hữu, đảm bảo tối đa thời gian khai thác với mức giá thuê cạnh tranh.
- Tìm kiếm cơ hội khai thác tàu mới.
- Nâng cao công tác quản lý, quản trị tại đơn vị, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Triệt để thực hành tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí nhiên liệu, chi phí quản lý kỹ thuật, hao hụt trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, điều hành, rà soát nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường công tác đào tạo, tuyển dụng để bổ sung nguồn nhân lực có trình độ, kinh nghiệm đồng thời nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên để đáp ứng yêu cầu phát triển của đơn vị.

➤ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Bên cạnh việc phát triển kinh doanh, Công ty cũng đặt ra các mục tiêu hướng tới sự phát triển bền vững, vì xã hội, cộng đồng như sau:

- Quan tâm thiết thực tới đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, tổ chức các hoạt động phong trào nhân các dịp kỷ niệm 8/3, 20/10, tết trung thu, staff party,... tạo tinh thần gắn bó, đoàn kết trong Công ty, góp phần xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong Công ty.
- Tham gia tích cực các hoạt động xã hội: hiến máu nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa, công tác từ thiện, nhân đạo, ủng hộ đồng bào bão lụt...

5. Các rủi ro

➤ **Rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá nhiên liệu và giá cước vận tải. Đối với hoạt động vận tải biển, Công ty hạn chế rủi ro bằng cách cho thuê tàu định hạn, giá cước cho thuê sẽ được thỏa thuận trước trong hợp đồng. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện ký hợp đồng vận tải theo từng chuyến và sẽ đàm phán để điều chỉnh giá cước vận tải khi có sự biến động về giá nhiên liệu. Công ty hạn chế rủi ro do dịch bệnh bằng cách ban hành các quy định về kiểm soát an toàn y tế trên tàu biển, hạn chế tiếp xúc tàu – bờ và tuyên truyền cho thuyền viên các kiến thức cơ bản để phòng chống dịch bệnh. Công ty cũng cung cấp đầy đủ vật tư y tế theo yêu cầu của đội tàu. Ban Giám đốc đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty chịu rủi ro thị trường ở mức độ vừa phải.

➤ **Rủi ro tín dụng:** Xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Trong năm 2023, Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty không có phát sinh rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

➤ **Rủi ro thanh khoản:** Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản ngắn hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt. Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

2.1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

➤ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu	314.997	409.437	130%
2	Lợi nhuận trước thuế	25.882	47.108	182%
3	Lợi nhuận sau thuế	20.597	37.724	183%
4	Nộp NSNN	5.285	9.990	189%

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 vượt kế hoạch đề ra. Tổng doanh thu vượt 30% kế hoạch, lợi nhuận sau thuế vượt 83% kế hoạch.

2.2 Tổ chức và nhân sự

➤ **Danh sách ban điều hành:**

- ✓ Bà Lê Thị Mai – Giám đốc Công ty
- Năm sinh: 24/06/1987
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kế toán
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu
- Tóm tắt quá trình công tác:
 - + Từ năm 2010 đến năm 2012: Kế toán viên tại Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí.
 - + Từ năm 2012 đến năm 2015: Kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH Thương mại Quỳnh Anh.
 - + Từ năm 2016 đến tháng 08/2022: Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Sellan Gas.
 - + Từ năm 2019 đến tháng 08/2022: Trưởng Ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (PCT)
 - + Từ ngày 17/03/2020 đến nay: Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Vận Tải Dầu Khí Sao Việt.

- + Từ ngày 18/11/2021 đến nay: Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Vận Tài Dầu Khí Phương Đông.
- + Từ tháng 08/2022 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc tại Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (PCT)
- ✓ Ông Đoàn Nguyên Sơn – Phó Giám đốc
- Năm sinh: 04/08/1976
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ Thuật cơ khí động lực
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu
- Tóm tắt quá trình công tác:
 - + Từ năm 2001 đến năm 2010: Nhân viên tại Công ty Vận tải Dầu khí Falcon.
 - + Từ năm 2010 đến tháng 06/2014: Nhân viên/ Máy trưởng tại Công ty cổ phần Vận tải Việt Tín.
 - + Từ tháng 07/2014 đến năm 2018: Phó phòng Kỹ thuật Vật tư tại Công ty cổ phần Vận tải Nhật Việt.
 - + Từ năm 2018 đến nay: Trưởng phòng Kỹ thuật Vật tư tại Công ty cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (PCT)
 - + Từ 01/09/2022 đến nay: Phó Giám đốc tại Công ty cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (PCT).
- ✓ Ông Nguyễn Văn Kiều – Phó Giám đốc
- Năm sinh: 18/10/1977
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân điều khiển tàu biển
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu
- Tóm tắt quá trình công tác:
 - + Từ năm 2003 đến năm 2004: Thủy Thủ, Sỹ Quan Boong (Phó 2) tại Công ty VTB Phú Yên.
 - + Từ năm 2005 đến năm 2006: Thủy Thủ tại Sea Sài Gòn.
 - + Từ năm 2006 đến năm 2007: Sỹ Quan Boong (Phó 2) tại Công ty VTB Vinashin.
 - + Từ năm 2007 đến năm 2008: Sỹ Quan Boong (Phó 2) tại Công ty VTB ITC Corp.
 - + Từ năm 2008 đến năm 2009: Sỹ Quan quản lý tại Công ty VTB Phúc Hai.
 - + Từ năm 2009 đến năm 2010: Trưởng phòng An toàn pháp chế tại Công ty VTB Phương Mai.
 - + Từ năm 2011 đến năm 2013: thuyền trưởng tại Công ty Dịch Vụ HH Smit Esaco.
 - + Từ năm 2013 đến tháng 05/2016: Tư Vấn, Giám Định Bảo Đảm Hàng hải tại Công ty Global Maritime.
 - + Từ tháng 11/2016 đến tháng 03/2018: Giám sát An toàn tại Công ty cổ phần Vận tải Nhật Việt.
 - + Từ tháng 03/2018 đến tháng 12/2018: Phó phòng An toàn pháp chế tại Công ty cổ phần Vận tải Khí Hoá Chất Việt Nam (PCT)
 - + Từ tháng 12/2018 đến tháng 07/2022: Thuyền trưởng tại Công ty cổ phần Vận tải Khí Hoá Chất Việt Nam (PCT)
 - + Từ tháng 09/2022 đến nay: Phó Giám đốc tại Công ty cổ phần Vận tải Khí Hoá Chất Việt Nam (PCT).
- ✓ Ông Nguyễn Sơn Lâm – Phó Giám đốc:
- Năm sinh: 09/04/1981
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy tàu thủy
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu
- Tóm tắt quá trình công tác:
 - + Từ năm 2013 đến năm 2014: Chuyên viên kỹ thuật tại Công ty cổ phần Thương mại Vận tải biển Trường Phát Lộc.
 - + Từ năm 2014 đến năm 2017: Trưởng phòng kỹ thuật vật tư tại Công ty cổ phần Thương mại Vận tải biển Trường Phát Lộc.

- + Từ năm 2017 đến năm 2019: Phó Giám đốc tại Công ty TNHH Hàng hải và Năng lượng xanh.
- + Từ năm 2019 đến tháng 07/2022: Phó phòng kỹ thuật vật tư tại Công ty cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (PCT).
- + Từ năm 05/2021 đến tháng 02/2023: Trưởng phòng HSQE tại Công ty cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (PCT).
- + Từ tháng 07/2022 đến tháng 02/2023: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc tại Công ty cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (PCT).
- ✓ Bà Lê Thanh Chi – Kế toán trưởng
- Năm sinh: 25/09/1985
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 16.800 CP (tính đến 31/12/2022)
- Tóm tắt quá trình công tác:
 - + Từ tháng 10/2007 đến tháng 12/2008: Nhân viên tại CTCP sản xuất Kinh doanh phụ tùng Ô tô Hoàng Mai.
 - + Từ tháng 01/2009 đến tháng 05/2009: Nhân viên tại CTCP sản xuất thương mại Mai Linh.
 - + Từ tháng 06/2009 đến tháng 11/2009: Nhân viên tại CN1 CTCP Vận tải Tốc hành Mai Linh.
 - + Từ tháng 04/2010 đến tháng 08/2020: Nhân viên/ Chuyên viên/ Phó Phòng Tài chính Kế toán tại CTCP Vận tải Nhật Việt.
 - + Từ tháng 04/2021 đến tháng 05/2022: Phụ trách kế toán tại Công ty cổ phần Xây lắp Sông Minh.
 - + Từ 06/2022 đến nay: Kế toán trưởng tại Công ty cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (PCT).
- **Số lượng cán bộ nhân viên tại 31/12/2023: 129.**

2.3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Trong năm 2023, Công ty thực hiện đầu tư thành công đối với tàu Orion và Loyal như kế hoạch được duyệt tại ĐHĐCĐ bất thường lần 2 năm 2022.

2.4 Tình hình tài chính

➤ **Tình hình tài chính:**

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	So sánh 2023/2022 (%)
1	Tổng giá trị tài sản	551.963	1.238.532	224%
2	Doanh thu thuần	305.402	409.437	134%
3	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	17.876	46.378	259%
4	Lợi nhuận khác	11	762	6927%
5	Lợi nhuận trước thuế	17.887	47.108	263%
6	Lợi nhuận sau thuế	14.181	37.724	266%

➤ **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	3,98	1.14	
	Hệ số thanh toán nhanh (= (TS ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	3,94	1.11	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số nợ /tổng tài sản	0,43	0.54	
	Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	0,75	1.15	

3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân)	24,88	82.32	
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,55	0.33	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số LNST/Doanh thu thuần	0,046	0.092	
	Hệ số LNST/Vốn CSH	0,045	0.066	
	Hệ số LNST/Tổng tài sản	0,033	0.030	
	Hệ số LN từ SXKD/Doanh thu thuần	0,059	0.143	

2.5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

➤ **Cổ phần:**

+ Tổng số cổ phần: 50,035,493 cổ phần phổ thông, chuyển nhượng tự do.

➤ **Cơ cấu cổ đông:**

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông tổ chức/cổ đông lớn		
1	Cao Đức Sơn	7,027,960	14.0459%
2	Trần Thị Thu Hà	11,155,280	22.2947%
3	Trần Vọng Phúc	11,073,052	22.1304%
4	Vũ Thị Thanh Thanh	57,600	0.1151%
5	Đỗ Anh Việt	13,296,000	26.5731%
II	Cổ đông khác	5,165,121	10.3229%
	Tổng cộng	50,035,493	100%

➤ **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Tăng vốn chủ sở hữu do phát hành cổ phiếu trong năm theo tỷ lệ 1:1. Tăng từ 27.599.896 cổ phần phổ thông lên 50,035,493 cổ phần phổ thông.

➤ **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** không có

➤ **Các chứng khoán khác:** Trong năm Công ty không có các đợt phát hành chứng khoán khác.

2.6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

➤ **Chính sách liên quan đến người lao động**

Số lượng lao động tại 31/12/2023: 129 người.

Năm 2023, Công ty đã thực hiện đúng quy chế trả lương, trả thưởng cho người lao động, thực hiện chế độ BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ khác của người lao động theo đúng quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

Công tác cán bộ của Công ty tiếp tục được kiện toàn góp phần nâng cao tính kiểm soát và chuyên môn hóa công tác quản lý của Công ty đối với các đơn vị trực thuộc, đáp ứng yêu cầu của Công ty trong giai đoạn tái cấu trúc.

Công đoàn và Đoàn thanh niên thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong các hoạt động phong trào văn hóa và thể thao; các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV: gặp mặt CB.CNV nữ nhân ngày 8/3, 20/10; tặng quà cho các cháu thiếu nhi ngày 1/6; tổ chức đêm hội trăng rằm cho các cháu thiếu nhi nhân tết trung thu; tổ chức thăm hỏi chu đáo gia đình các CBCNV.

➤ **Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng, địa phương**

Dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ, Chính quyền và các tổ chức Đoàn thể, năm 2023 đơn vị tiếp tục thực hiện tốt các hoạt động an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

3.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2023 là một năm khôi phục các hoạt động kinh tế xã hội sau ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước và quốc tế đa phần

được gỡ bỏ hạn chế. Công ty duy trì hoạt động trong lĩnh vực vận tải đường thủy và quản lý tàu cùng với những thay đổi phù hợp với tình hình mới đã cho thấy bước đầu đạt hiệu quả nhất định. Công ty vẫn hoàn thành các chỉ tiêu tài chính đã đặt ra bằng sự nỗ lực của tập thể lãnh đạo và người lao động, cùng với tinh thần tiết kiệm và quản lý chặt chẽ các khoản chi phí quản lý.

3.2. Tình hình tài chính

➤ *Tình hình tài sản*

Tổng tài sản của Công ty tại 31/12/2023 tăng 224% so với 01/01/2023. Tổng giá trị tài sản dài hạn của công ty tăng 3.06 lần từ 342 tỷ lên 1046 tỷ, vì thế cơ cấu giữa tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn có sự thay đổi đáng kể. Dưới sự điều hành của ban lãnh đạo Công ty, hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty giảm không đáng kể, hệ số LNST/tổng tài sản đạt 0,030 (so với mức 0,033 của năm 2022).

Năm 2023, công tác quản lý công nợ phải thu cũng được thực hiện chặt chẽ. Trong năm 2023 không có khoản trích lập nợ khó đòi.

➤ *Tình hình nợ phải trả*

Nợ phải trả trên tổng tài sản tại 31/12/2023 là 0.54, tăng so với mức 0,43 tại thời điểm 01/01/2023. Trong năm, Công ty đã tắt toán, thanh toán các khoản nợ nhà cung cấp đến hạn, không để phát sinh các khoản nợ phải trả xấu ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2023, công tác quản lý công nợ được thực hiện tốt, không làm phát sinh các khoản nợ khó đòi.

3.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024: do chưa đủ cơ sở để hoàn thiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đang trong quá trình chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 nên các số liệu về kế hoạch sản xuất kinh doanh 2023 sẽ được cập nhật sau.

Các nhiệm vụ chủ yếu:

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động quản lý và khai thác tàu trên cơ sở tích lũy kinh nghiệm từ hoạt động quản lý tàu, làm tiền đề cho việc sở hữu và vận hành đội tàu sau này.
- Tìm kiếm và mở rộng các đối tượng khách hàng đối với dịch vụ quản lý tàu.
- Tìm kiếm cơ hội khai thác tàu mới.
- Nâng cao công tác quản lý, quản trị tại đơn vị, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Triệt để thực hành tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí nhiên liệu, chi phí quản lý kỹ thuật, hao hụt hàng hóa trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, điều hành, rà soát nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường công tác đào tạo, tuyển dụng để bổ sung nguồn nhân lực có trình độ, kinh nghiệm đồng thời nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên để đáp ứng yêu cầu phát triển của đơn vị.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

4.1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty và hoạt động của Ban Giám đốc

➤ ***Lĩnh vực vận tải biển:*** Năm 2023, Công ty đã hoàn thành đầu tư thành công đối với tàu Orion và Loyal như kế hoạch được duyệt tại ĐHĐCĐ bất thường lần 2 năm 2022. Công ty duy trì việc cho thuê Time Charter các tàu này với đối tác được chuyển giao từ chủ tàu cũ.

➤ ***Lĩnh vực quản lý và khai thác tàu:*** Năm 2023, Công ty vẫn duy trì hoạt động tốt việc quản lý và tư vấn quản lý tàu cho các chủ tàu trong nước. Công ty đã mở rộng số lượng khách hàng so với các năm trước.

➤ ***Lĩnh vực kinh doanh thương mại:*** được thực hiện trên nguyên tắc đảm bảo an toàn dòng tiền, mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

➤ ***Công tác quản lý:***

+ Hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015: duy trì hệ thống các quy trình, tài liệu theo quy định của hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của công ty.

+ Tiếp tục thực hiện kế hoạch xây dựng văn hoá doanh nghiệp công ty.

Nhìn chung, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc công ty trong năm 2023 đã nỗ lực hết sức để hoàn thành chức trách nhiệm vụ và kết quả kinh doanh vượt kế hoạch đề ra.

4.2. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

Theo nhận định của HĐQT, năm 2024 sẽ là năm phát triển mạnh mẽ của thị trường trên phạm vi toàn cầu, nhờ đó, nhu cầu vận tải của thị trường tăng cao bù đắp cho những hạn chế thời gian trước đó cũng như nhu cầu thuê đội ngũ vận hành, quản lý chuyên nghiệp, có uy tín của các chủ tàu trong nước. Điểm thuận lợi đáng kể là các thành viên Hội đồng quản trị hiện nay đều có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý, điều hành mảng khai thác và quản lý tàu. Nhân sự Ban điều hành cùng toàn thể công ty cũng được kiện toàn theo định hướng phát triển mới của Công ty.

Tuy nhiên, khó khăn lớn nhất mà HĐQT và toàn Công ty gặp phải là sự biến động không ngừng của tình hình thị trường, phụ thuộc nhiều vào biến động của các nền kinh tế thế giới và diễn biến chính trị - xã hội trong khu vực. Đây là những yếu tố khách quan ảnh hưởng không nhỏ tới kết quả kinh doanh của Công ty.

Để thực hiện tốt kế hoạch hoạt động và các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2024, HĐQT cần chỉ đạo, giám sát và phối hợp chặt chẽ cùng Ban điều hành xây dựng và triển khai hiệu quả các giải pháp sau:

- Chỉ đạo, hỗ trợ Ban Điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 2024.

- Tiếp tục chỉ đạo và giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định, định mức... để tăng cường công tác quản lý.

- Chú trọng công tác đào tạo, tuyển dụng và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh mới và xu thế phát triển của công ty trong tương lai.

- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông cũng như quan tâm đến quyền lợi, điều kiện làm việc cho người lao động.

- Quyết định các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2024.

V. Quản trị Công ty

5.1. Hội đồng quản trị

➤ *Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:*

STT	TV.HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu/đại diện	Thành viên độc lập	Ghi chú
1	Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	CT. HĐQT	0%		
2	Bà Lê Thị Mai	TV. HĐQT	0%		Kiểm Giám đốc Công ty
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	TV. HĐQT	0%		
4	Ông Lê Hoàng Phương	TV. HĐQT	0%	x	
5	Ông Nguyễn Sơn Lâm	TV. HĐQT	0%		
6	Hoàng Anh Quân	TV. HĐQT	0%	x	
7	Ông Phạm Ngọc Hà	TV. HĐQT	0%		Miễn nhiệm ngày 02/6/2023

➤ *Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:* không có

➤ **Hoạt động của Hội đồng quản trị**

HĐQT hoạt động theo Quy chế làm việc của HĐQT ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/QĐ-PCT-HĐQT ngày 04/09/2019; thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT; quản lý, giám sát hoạt động đối với Giám đốc và bộ máy điều hành. 5/7 thành viên HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ trong Công ty, thực hiện công tác quản lý, giám sát qua các báo cáo và các phiên họp của HĐQT.

Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức họp 26 lần, đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định phê duyệt chỉ đạo các nội dung:

- Phê duyệt, giao nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 cho Giám đốc thực hiện;
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Đại hội đồng cổ đông bất thường, chỉ đạo triển khai tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội.
- Đối với công tác cán bộ, HĐQT đã phê duyệt việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các cán bộ chủ chốt.

5.2. Ban Kiểm soát

➤ **Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát:**

Stt	TV.BKS	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu/đại diện	Ghi chú
1	Bà Đặng Thị Dung	Trưởng ban	0%	
2	Bà Đào Ngọc Mai	TV.BKS	0%	
3	Bà Vũ Thị Thanh Thanh	TV.BKS	0,1%	

➤ **Hoạt động của Ban Kiểm soát:**

- Năm 2024, HĐQT đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Quyết định của HĐQT ban hành phù hợp với các Quy định của Nhà nước đối với công ty đại chúng đã niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.
- Các hoạt động của Giám đốc đã tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành, điều lệ Công ty, thực hiện nhiệm vụ đúng chức năng và thẩm quyền.
- Giám đốc rất sát sao trong chỉ đạo điều hành Công ty, kịp thời xử lý công việc kinh doanh.
- HĐQT và Ban giám đốc luôn tạo điều kiện cho Ban kiểm soát hoạt động. Ban kiểm soát, HĐQT và Ban giám đốc điều hành phối hợp chặt chẽ trong công tác kiểm tra giám sát thông qua Quy chế phối hợp hoạt động.

5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích chi trả trong năm 2023 của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc

➤ **Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích**

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thu nhập 2023
I	Hội đồng quản trị		730.551.440
1	Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	Chủ tịch HĐQT	565.551.440
2	Bà Lê Thị Mai	Thành viên	36.000.000

3	Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thành viên	36.000.000
4	Ông Lê Hoàng Phương	Thành viên	21.000.000
5	Ông Nguyễn Sơn Lâm	Thành viên	36.000.000
6	Hoàng Anh Quân	Thành viên	21.000.000
7	Ông Phạm Ngọc Hà	Thành viên (đã miễn nhiệm ngày 02/06/2023)	15.000.000
II	Ban Kiểm soát		60.000.000
1	Bà Đặng Thị Dung	Trưởng Ban	24.000.000
2	Bà Đào Ngọc Mai	Thành viên	18.000.000
3	Bà Vũ Thị Thanh Thanh	Thành viên	18.000.000
III	Ban Giám đốc		1,585,885,371
1	Bà Lê Thị Mai	Giám đốc	263.142.389
2	Ông Đoàn Nguyên Sơn	Phó Giám đốc	658.087.850
3	Ông Nguyễn Văn Kiều	Phó Giám đốc	182.431.856
4	Bà Lê Thanh Chi	Kế toán trưởng	413.502.426
5	Ông Nguyễn Sơn Lâm	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 28/02/2023)	68.720.850

➤ **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:**

Bà Lê Thanh Chi – Kế toán trưởng sở hữu: 12.200 cổ phiếu, chiếm 0,04% tổng số cổ phần tại thời điểm báo cáo kết quả giao dịch ngày 30/11/2023.

➤ **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có.

VI. Báo cáo tài chính

6.1. Ý kiến của kiểm toán: đính kèm.

6.2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: đính kèm.

GIÁM ĐỐC



VÕ NGỌC PHỤNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT
VIỆT NAM

MỤC LỤC

1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	12 - 31
8. Phụ lục	32 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305020272, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 6 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 27 tháng 9 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ : Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : +84 (028) 6258 2330
- Fax : +84 (028) 6258 2334

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là mua bán hàng hoá khí hoá lỏng, cho thuê tàu biển và tư vấn quản lý tàu biển.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2023
Ông Lê Hoàng Phương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2023
Ông Hoàng Anh Quân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2023
Bà Lê Thị Mai	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2023
Ông Phạm Ngọc Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Sơn Lâm	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2023

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Bà Đặng Thị Dung	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2023
Bà Đào Ngọc Mai	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2023
Bà Vũ Thị Thanh Thanh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2023

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Lê Thị Mai	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2022
Ông Nguyễn Sơn Lâm	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2023
Ông Đoàn Nguyên Sơn	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Kiều	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Lê Thị Mai – Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2022).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Công bố của Ban Giám đốc

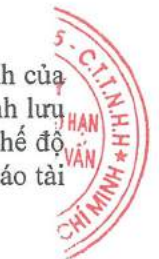
Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Giám đốc,

Lê Thị Mai
Giám đốc

Ngày 22 tháng 02 năm 2024



Số: 1.0172/24/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 22 tháng 02 năm 2024, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

CÔNG TY

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN

A&C

Q. TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH

Hồ Văn Tùng

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0092-2023-008-1

Người được uỷ quyền

Nguyễn Hoàng Yến

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0088-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		192.219.925.992	209.744.026.971
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	32.387.160.779	12.877.264.780
1. Tiền	111		9.187.160.779	12.877.264.780
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.200.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		54.164.432.160	166.374.800.257
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	66.899.471.084	137.354.943.258
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	18.354.878.157	17.386.053.030
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	3.477.825.617	46.201.546.667
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(34.567.742.698)	(34.567.742.698)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		5.207.125.253	1.733.673.907
1. Hàng tồn kho	141	V.6	5.207.125.253	1.733.673.907
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		100.461.207.800	28.758.288.027
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	847.738.785	1.494.357.153
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		99.613.369.015	27.263.830.874
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	100.000	100.000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.046.312.313.752	342.218.861.537
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.200.000.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4a	2.200.000.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.034.382.370.105	340.597.987.823
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.034.344.370.105	340.468.787.823
- Nguyên giá	222		1.131.987.179.136	350.289.182.940
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(97.642.809.031)	(9.820.395.117)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	38.000.000	129.200.000
- Nguyên giá	228		746.000.000	746.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(708.000.000)	(616.800.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		668.382.627	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	668.382.627	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.061.561.020	1.620.873.714
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	7.705.338.890	1.523.794.262
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	1.356.222.130	97.079.452
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.238.532.239.744	551.962.888.508

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		662.762.548.461	236.940.543.424
I. Nợ ngắn hạn	310		167.945.191.331	52.744.614.862
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	6.542.246.853	3.177.875.443
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.495.360	10.495.360
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	3.724.846.159	1.175.862.877
4. Phải trả người lao động	314	V.14	-	4.750.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	1.316.455.341	485.397.259
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	1.762.501.554	1.854.267.317
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a,c	154.526.571.432	46.022.571.432
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	62.074.632	13.395.174
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		494.817.357.130	184.195.928.562
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b,c	494.817.357.130	184.195.928.562
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

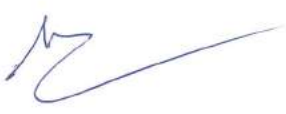
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		575.769.691.283	315.022.345.084
I. Vốn chủ sở hữu	410		575.769.691.283	315.022.345.084
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	500.354.930.000	275.998.960.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.354.930.000	275.998.960.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	(223.600.000)	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	839.178.790	839.178.790
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.19	1.918.499.046	1.918.499.046
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	72.880.683.447	36.265.707.248
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		35.156.637.790	36.265.707.248
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		37.724.045.657	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.238.532.239.744	551.962.888.508

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2024


Trương Đỗ Thanh Ngân
Người lập
Lê Thanh Chi
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	409.437.422.193	305.402.077.604
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		409.437.422.193	305.402.077.604
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	285.696.199.162	274.662.586.922
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		123.741.223.031	30.739.490.682
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.661.621.523	1.819.868.482
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	68.820.951.271	4.916.958.001
Trong đó: chi phí lãi vay	23		67.609.076.069	4.420.657.387
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	12.203.086.283	9.766.348.248
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		46.378.807.000	17.876.052.915
11. Thu nhập khác	31	VI.6	762.798.643	16.136.341
12. Chi phí khác	32	VI.7	33.864.811	5.139.803
13. Lợi nhuận khác	40		728.933.832	10.996.538
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		47.107.740.832	17.887.049.453
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	10.642.837.853	3.788.739.742
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.11	(1.259.142.678)	(83.079.452)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		37.724.045.657	14.181.389.163
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8a,c	1.028	535
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8a,c	1.028	535

Trương Đỗ Thanh Ngân
Người lập

Lê Thanh Chi
Kế toán trưởng



Lê Thị Mai
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		47.107.740.832	17.887.049.453
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8; V.9	87.913.613.914	6.130.354.553
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(611.426.989)	(218.469.823)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(575.804.218)	(1.395.895.163)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	67.609.076.069	4.420.657.387
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		201.443.199.608	26.823.696.407
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		38.261.325.586	44.555.656.380
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.473.451.346)	18.607.767.494
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.604.189.882	(91.102.113)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.534.926.260)	(2.866.424.734)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.15; VI.4	(66.853.564.616)	(4.005.260.128)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(8.019.794.853)	(3.180.312.312)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(1.060.390.000)	(3.577.349.648)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		157.366.588.001	76.266.671.346
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8; V.9	(781.697.996.196)	(341.685.703.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	44.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	575.804.218	2.045.441.737
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(781.122.191.978)	(295.640.261.445)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.19a	224.132.370.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	532.000.000.000	228.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(112.874.571.432)	(422.571.432)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		643.257.798.568	227.577.428.568
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		19.502.194.591	8.203.838.469
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	12.877.264.780	4.864.591.289
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		7.701.408	(191.164.978)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	32.387.160.779	12.877.264.780

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2024

Trương Đỗ Thanh Ngân
Người lập

Lê Thanh Chi
Kế toán trưởng



Lê Thị Mai
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là mua bán hàng hóa khí hoá lỏng, cho thuê tàu biển và tư vấn quản lý tàu biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính.

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 129 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 68 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Bảo Việt (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Bảo Việt (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí bảo hiểm và chi phí đăng kiểm, kiểm tra tàu và chi phí sửa chữa định kỳ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ theo thời gian bảo hiểm.

Chi phí đăng kiểm, kiểm tra tàu

Chi phí đăng kiểm, kiểm tra tàu đã trả một lần cho thời gian lưu hành của tàu. Chi phí đăng kiểm, kiểm tra tàu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian lưu hành của tàu được cấp phép.

Chi phí sửa chữa định kỳ

Chi phí sửa chữa tàu phát sinh định kỳ 2-3 năm một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 30 tháng.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	03 – 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 11
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 2 - 5 năm.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	14.768.183	202.570.817
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.172.392.596	12.674.693.963
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng	23.200.000.000	-
Cộng	32.387.160.779	12.877.264.780

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	1.800.000.000	178.283.160
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hàng hải Hưng Phát	1.800.000.000	178.283.160
Phải thu các khách hàng khác	65.099.471.084	137.176.660.098
Công ty THHH Dahasa	38.039.046.980	-
Công ty TNHH Dầu khí Thanh Hóa	2.365.298.680	114.282.182.925
Lucky Ocean Shipping Company Limited	15.562.203.860	15.017.952.005
Các khách hàng khác	9.132.921.564	7.876.525.168
Cộng	66.899.471.084	137.354.943.258

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	2.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hàng hải Hưng Phát	2.400.000.000	-
Trả trước cho các người bán khác	15.954.878.157	17.386.053.030
Công ty TNHH Thủy sản HMP	13.381.028.500	13.381.028.500
Công ty TNHH Gas Venus	-	3.827.550.897
Các nhà cung cấp khác	2.573.849.657	177.473.633
Cộng	18.354.878.157	17.386.053.030

4. Phải thu khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Gas Venus – ký quỹ ⁽ⁱ⁾	-	-	45.200.000.000	-
Tạm ứng	2.079.889.419	-	581.855.667	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	538.741.000	-	390.950.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	859.195.198	9.056.000	28.741.000	9.056.000
Cộng	3.477.825.617	9.056.000	46.201.546.667	9.056.000

- ⁽ⁱ⁾ Ký quỹ theo Hợp đồng thuê tàu trần MT BASS số 1502/VM-TLG ngày 27 tháng 12 năm 2022 với thời gian thuê là 1 năm + 1 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023. Ngày 10 tháng 01 năm 2023 Công ty đã mua lại tàu thuê này theo Hợp đồng mua bán tàu số 0110/HĐMB/PTC-VN với giá mua là 418.528.000.000 VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, phí và lệ phí).

4b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ đặt cọc thuê văn phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Nợ quá hạn**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khí đốt Nam Việt – phải thu tiền bán hàng Trên 3 năm		3.621.148.541	-	Trên 3 năm	3.621.148.541	-
Lucky Ocean Shipping Company Limited - phải thu tiền cung cấp dịch vụ Trên 3 năm		15.562.203.860	1.077.213.079	Trên 3 năm	15.017.952.005	532.961.224
Công ty TNHH Thủy sản HMP – trả trước tiền mua hàng Trên 3 năm		13.381.028.500	-	Trên 3 năm	13.381.028.500	-
Các khoản phải thu khách hàng khác Trên 3 năm		3.196.674.221	125.155.345	Trên 3 năm	3.098.799.001	27.280.125
Các khoản phải thu khác Trên 3 năm		9.056.000	-	Trên 3 năm	9.056.000	-
Các khoản trả trước cho người bán khác Từ 2 đến 3 năm		34.507.860	34.507.860		-	-
Cộng		35.804.618.982	1.236.876.284		35.127.984.047	560.241.349

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	34.567.742.698	34.567.742.698
Số cuối năm	34.567.742.698	34.567.742.698

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.928.665.262	-	1.455.213.916	-
Công cụ, dụng cụ	140.323.428	-	140.323.428	-
Hàng hóa	138.136.563	-	138.136.563	-
Cộng	5.207.125.253	-	1.733.673.907	-

7. Chi phí trả trước**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	-	32.796.153
Chi phí bảo hiểm	847.738.785	1.320.727.666
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	140.833.334
Cộng	847.738.785	1.494.357.153

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí đăng kiểm, kiểm tra tàu và sửa chữa định kỳ	7.671.739.984	1.467.929.440
Công cụ, dụng cụ	33.598.906	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	-	55.864.822
Cộng	7.705.338.890	1.523.794.262

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	366.363.636	349.424.675.908	498.143.396	350.289.182.940
Mua trong năm	257.510.000	781.400.940.741	39.545.455	781.697.996.196
Số cuối năm	623.873.636	1.130.825.616.649	537.688.851	1.131.987.179.136
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	366.363.636	2.127.372.726	352.770.669	2.846.507.031
Chờ thanh lý	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	366.363.636	9.085.301.615	368.729.866	9.820.395.117
Khấu hao trong năm	47.210.163	87.733.073.993	42.129.758	87.822.413.914
Số cuối năm	413.573.799	96.818.375.608	410.859.624	97.642.809.031
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	340.339.374.293	129.413.530	340.468.787.823
Số cuối năm	210.299.837	1.034.007.241.041	126.829.227	1.034.344.370.105
Trong đó:				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Trong năm, Công ty đã mua các tài sản cố giá trị lớn sau:

- Tàu biển mang tên Orion (tên cũ MT Bass) - số hiệu XVIP7/9400370 từ Công ty TNHH Gas Venus theo Hợp đồng mua bán tàu số 0110/HĐMB/PCT-VN ngày 10 tháng 1 năm 2023.
 - Tàu biển mang tên Loyal - số hiệu XVIC7/9345881 từ Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải dầu khí Ovtrans theo Hợp đồng mua bán tàu số 2507/2023/OVTRANS-PCT ngày 25 tháng 7 năm 2023.
- Các giao dịch này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 số 03/NQ-PCT-ĐHCD ngày 25 tháng 10 năm 2022 và được Báo cáo tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-PCT-ĐHCD ngày 02 tháng 6 năm 2023.

Tài sản cố định là phương tiện vận tải có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.033.750.612.223 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Công ty tại Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam và Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Nam Sài Gòn (xem thuyết minh số V.17b).

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số đầu năm	746.000.000
Số cuối năm	746.000.000
Trong đó:	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	290.000.000
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	616.800.000
Khấu hao trong năm	91.200.000
Số cuối năm	708.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Phần mềm máy tính
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	129.200.000
Số cuối năm	38.000.000
Trong đó:	
Tạm thời chưa sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định.

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	Số cuối năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	97.079.452	1.259.142.678	1.356.222.130
Các chi phí phải trả	97.079.452	(67.970.126)	29.109.326
Chi phí lãi vay ⁽ⁱ⁾	-	1.327.112.804	1.327.112.804
Cộng	97.079.452	1.259.142.678	1.356.222.130

- (i) Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại Minh Dũng	2.467.327.280	-
Far East Marine Service Co., Ltd	732.092.476	-
Công ty TNHH Bureau Veritas Việt Nam	92.315.700	773.900.568
Tổng công ty Bảo hiểm PVI	-	849.496.063
Korean Register of Shipping	-	795.815.000
Các nhà cung cấp khác	3.250.511.397	758.663.812
Cộng	6.542.246.853	3.177.875.443

Công ty không có khoản nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	100.000	5.917.891	(5.917.891)	-	100.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.051.239.742	-	10.642.837.853	(8.019.794.853)	3.674.282.742	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế thu nhập cá nhân	124.623.135	-	609.705.559	(683.765.277)	50.563.417	-
Các loại thuế khác	-	-	49.144.941	(49.144.941)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	1.156.102.122	(1.156.102.122)	-	-
Cộng	1.175.862.877	100.000	12.463.708.366	(9.914.725.084)	3.724.846.159	100.000

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động cho thuê tàu vận tải quốc tế: 0%
- Hoạt động thương mại: 10%
- Hoạt động tư vấn, thu chi hộ: 5%, 10%

Riêng trong giai đoạn từ ngày 01/07/2023 đến 31/12/2023 áp dụng theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2023 của Chính phủ hàng hóa dịch vụ có các loại thuế suất khác nhau 8% hoặc 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	47.107.740.832	17.887.049.453
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Chi phí lãi vay không được trừ	6.635.564.021	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	697.989.642	1.126.649.258
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.114.569.521)	(70.000.000)
Thu nhập chịu thuế	53.326.724.974	18.943.698.711
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	10.665.344.995	3.788.739.742
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	(22.507.142)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	10.642.837.853	3.788.739.742

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

Tiền lương phải trả được trích theo Nghị quyết số 15/NQ-PCT-HĐQT ngày 13 tháng 6 năm 2023, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 19/NQ-PCT-HĐQT ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt định biên lao động và quỹ lương kế hoạch năm 2023, quỹ lương thuyền viên tàu Loyal và số thực chi cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	1.170.908.712	415.397.259
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	145.546.629	70.000.000
Cộng	1.316.455.341	485.397.259

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	118.548.549	42.922.467
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	-	169.064.232
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	937.058.585	937.058.585
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	706.894.420	705.222.033
Cộng	1.762.501.554	1.854.267.317

17. Vay

17a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn đến hạn trả Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam (xem thuyết minh số V.17b)	422.571.432	422.571.432
Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Nam Sài Gòn (xem thuyết minh số V.17b)	154.104.000.000	45.600.000.000
Cộng	154.526.571.432	46.022.571.432

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	46.022.571.432
Kết chuyển từ vay dài hạn	221.378.571.432
Số tiền vay đã trả	(112.874.571.432)
Số cuối năm	154.526.571.432

17b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam ⁽ⁱ⁾	1.373.357.130	1.795.928.562
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Nam Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾	493.444.000.000	182.400.000.000
Cộng	494.817.357.130	184.195.928.562

(i) Vay Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 1000576636 ngày 17 tháng 3 năm 2021 để mua sắm phương tiện vận tải với lãi suất 6,99%/năm (áp dụng trong 6 tháng kể từ ngày giải ngân), được điều chỉnh 3 tháng/lần theo thông báo từ bên cho vay, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2021. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 23 tháng 4 năm 2021. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định thuộc sở hữu của Công ty (xem thuyết minh số V.8).

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Nam Sài Gòn theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 0093-2022-HĐTĐ1-BVB067 ngày 08 tháng 11 năm 2022 để mua sắm phương tiện vận tải với lãi suất 13,3%/năm (áp dụng trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên), được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 11 tháng 11 năm 2022. Số tiền vay được hoàn trả vào ngày 25 hàng tháng (năm trước là 3 tháng/lần), thanh toán lần đầu vào ngày 09 tháng 02 năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu biển mang tên Goby - số hiệu XVHZ7/9363833 theo Hợp đồng thế chấp tàu số 0053/2022-HĐTC1-BVB067 ngày 08 tháng 11 năm 2022 (xem thuyết minh số V.8).

- Hợp đồng tín dụng số 0017-2023-HĐTD1-BVB067 ngày 21 tháng 02 năm 2023 để mua sắm phương tiện vận tải với lãi suất 14,5%/năm (áp dụng trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên), được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 22 tháng 02 năm 2023. Số tiền vay được hoàn trả vào ngày 25 hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 23 tháng 5 năm 2023. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu biển mang tên Orion (tên cũ MT Bass) - số hiệu XVIP/9400370 theo Hợp đồng thế chấp tàu số 0003-2023-HĐTC1-BVB067 ngày 21 tháng 02 năm 2023 (xem thuyết minh số V.8).
- Hợp đồng tín dụng số 0047-2023-HĐTD1-BVB067 ngày 11 tháng 8 năm 2023 để mua sắm phương tiện vận tải với lãi suất 11,5%/năm (áp dụng cố định từ ngày giải ngân đầu tiên đến ngày 31 tháng 12 năm 2023), được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 11 tháng 8 năm 2023. Số tiền vay được hoàn trả vào ngày 25 hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 8 năm 2023. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu biển mang tên Loyal - số hiệu XVIC7/9345881 theo Hợp đồng thế chấp tàu biển số 0020-2023-HĐTC1-BVB067 ngày 11 tháng 8 năm 2023 (xem thuyết minh số V.8).

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	154.526.571.432	46.022.571.432
Trên 01 năm đến 5 năm	494.817.357.130	184.090.285.728
Trên 5 năm	-	105.642.834
Cộng	649.343.928.562	230.218.499.994

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn trong năm	Số cuối năm
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam	1.795.928.562	-	(422.571.432)	1.373.357.130
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Nam Sài Gòn	182.400.000.000	532.000.000.000	(220.956.000.000)	493.444.000.000
Cộng	184.195.928.562	532.000.000.000	(221.378.571.432)	494.817.357.130

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	4.067.306	509.069.458	(454.200.000)	58.936.764
Quỹ phúc lợi	9.327.868	200.000.000	(206.190.000)	3.137.868
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	400.000.000	(400.000.000)	-
Cộng	13.395.174	1.109.069.458	(1.060.390.000)	62.074.632

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Đỗ Anh Việt	132.960.000.000	66.480.000.000
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	132.583.200.000	66.291.600.000
Bà Trần Thị Thu Hà	88.552.800.000	44.276.400.000
Ông Trần Vọng Phúc	80.730.520.000	40.365.260.000
Các cổ đông khác	65.528.410.000	58.585.700.000
Cộng	500.354.930.000	275.998.960.000

Trong năm, Công ty đã chào bán 27.599.896 cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu và các đối tác tiềm năng để bổ sung vốn kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2022 ngày 25 tháng 10 năm 2022. Số lượng cổ phiếu đã bán được là 22.435.597 cổ phiếu. Ngày 11 tháng 9 năm 2023, Công ty đã nhận được Văn bản số 6168/UBCK-QLCB thông báo nhận được Báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng từ Ủy Ban chứng khoán Nhà nước.

Ngày 27 tháng 09 năm 2023, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 26 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 500.354.930.000 VND.

19c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.035.493	27.599.896
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.035.493	27.599.896
- Cổ phiếu phổ thông	50.035.493	27.599.896
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.035.493	27.599.896
- Cổ phiếu phổ thông	50.035.493	27.599.896
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết số 01/NQ-PCT-ĐHCD ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 như sau:

• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (05% lợi nhuận sau thuế năm 2022)	709.069.458
• Trích Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	400.000.000
Cộng	1.109.069.458

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

20a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	7.960.302.950	1.736.955.000
Trên 01 năm đến 05 năm	36.376.280.966	-
Cộng	44.336.583.916	1.736.955.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê văn phòng tại 3A-3B Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh Công ty thuê dưới hình thức thuê hoạt động với giá thuê 1.493.000 VND/m²/tháng có điều chỉnh tăng hàng năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 05 năm tính từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

20b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	206.375,53	165.642,35
Euro (EUR)	160,96	160,96

20c. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Long Tân	643.278.863	643.278.863
Tạm ứng của lái xe Taxi đội 1	406.826.607	406.826.607
Tạm ứng mua nhiên liệu cho lái xe Taxi	584.972.173	584.972.173
Các đối tượng khác	1.270.557.482	1.270.557.482
Cộng	2.905.635.125	2.905.635.125

Các khoản nợ phải thu trên đã được xử lý xóa sổ do không có khả năng thu hồi theo Quyết định số 253/QĐ-PCT ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Công ty.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	81.271.248.850	271.677.225.160
Doanh thu cung cấp dịch vụ	328.166.173.343	33.724.852.444
Cộng	409.437.422.193	305.402.077.604

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong năm, Công ty chỉ phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hàng hải Hưng Phát với số tiền là 8.850.733.426 VND (năm trước là 25.258.130.778 VND).

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	78.930.066.000	257.361.857.895
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	206.766.133.162	17.300.729.027
Cộng	285.696.199.162	274.662.586.922

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	575.804.218	1.395.895.163
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.474.390.316	205.503.496
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	611.426.989	218.469.823
Cộng	3.661.621.523	1.819.868.482

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	67.609.076.069	4.420.657.387
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	679.875.202	496.300.614
Chi phí tài chính khác	532.000.000	-
Cộng	68.820.951.271	4.916.958.001

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.745.311.066	3.721.172.612
Chi phí vật liệu quản lý	80.340.126	219.336.654
Chi phí đồ dùng văn phòng	249.348.437	87.722.801
Chi phí khấu hao tài sản cố định	762.909.655	801.003.269
Thuế, phí và lệ phí	135.200.000	65.571.000
Chi phí thuê văn phòng	1.736.955.000	1.579.050.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	4.303.641.999	3.005.670.269
Chi phí khác	189.380.000	286.821.643
Cộng	12.203.086.283	9.766.348.248

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	215.536.643	-
Hàng được tặng không thu tiền	546.242.000	-
Các khoản thu nhập khác	1.020.000	16.136.341
Cộng	762.798.643	16.136.341

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Các khoản phạt	-	930.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	31.228.013	-
Hoàn trả chiết khấu	2.636.798	4.209.803
Cộng	33.864.811	5.139.803

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	37.724.045.657	14.181.389.163
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ⁽ⁱ⁾	(1.874.990.006)	(1.418.138.916)
Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	(400.000.000)	(400.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	35.449.055.651	12.363.250.247
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	34.484.244	23.126.025
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.028	535

(i) Tạm trích theo tỷ lệ 05% lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp dựa trên mức trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQ-PCT-ĐHCD ngày 02 tháng 6 năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.252.606.422	1.498.862.181
Chi phí nhân công	58.241.968.683	12.331.238.125
Chi phí khấu hao tài sản cố định	87.913.613.914	6.130.354.553
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.363.050.426	6.720.800.773
Chi phí khác	419.580.000	385.821.643
Cộng	219.190.819.445	27.067.077.275

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

Thù lao thành viên Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	Chủ tịch	565.551.440	465.438.400
Ông Lê Hoàng Phương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 02/06/2023)	21.000.000	-
Ông Hoàng Anh Quân	Thành viên (bổ nhiệm ngày 02/06/2023)	21.000.000	-
Bà Lê Thị Mai	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 01/09/2022)	36.000.000	8.000.000
Ông Nguyễn Sơn Lâm	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 25/10/2022)	36.000.000	4.476.190
Ông Phạm Ngọc Hà	Thành viên	36.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thành viên	36.000.000	24.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thù lao thành viên Ban Kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Bà Đặng Thị Dung	Trưởng ban (bổ nhiệm từ ngày 01/09/2022)	24.000.000	6.000.000
Bà Đào Ngọc Mai	Thành viên	18.000.000	12.000.000
Bà Vũ Thị Thanh Thanh	Thành viên	18.000.000	12.000.000

Tiền lương thành viên Ban điều hành:

Họ và tên	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Bà Lê Thị Mai	Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/09/2022)	263.142.389	99.974.737
Ông Nguyễn Sơn Lâm	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/03/2023)	68.720.850	185.945.590
Ông Đoàn Nguyên Sơn	Phó Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/09/2022)	658.087.850	174.592.000
Ông Nguyễn Văn Kiều	Phó Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/09/2022)	182.431.856	100.366.564
Bà Lê Thanh Chi	Kế toán trưởng (bổ nhiệm từ ngày 01/06/2022)	413.502.426	148.866.071

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Ông Đỗ Anh Việt	Cổ đông sở hữu 26,57% vốn góp
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	Cổ đông sở hữu 26,50% vốn góp
Bà Trần Thị Thu Hà	Cổ đông sở hữu 17,70% vốn góp
Ông Trần Vọng Phúc	Cổ đông sở hữu 16,13% vốn góp
Công ty Cổ phần Hóa dầu Stavian Quảng Yên	Công ty có cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	Thành viên quản lý chủ chốt là cổ đông lớn của Công ty
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hàng hải Hưng Phát	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hàng hải Hưng Phát		
Quản lý tàu	1.121.911.112	-
Mua hàng	12.192.075.000	-
Hoàn ứng đặt cọc đơn hàng	13.000.000.000	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2 và V.3.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh thương mại: kinh doanh mua, bán các mặt hàng LPG và xăng dầu.
- Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải: cung cấp dịch vụ cho thuê tàu biển, dịch vụ quản lý tàu, dịch vụ tư vấn quản lý tàu.
- Lĩnh vực kinh doanh khác: cung cấp dịch vụ cho thuê xe và các dịch vụ khác.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động chính của Công ty là mua bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ vận tải biển chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam và ở các khu vực địa lý khác nhau như Trung Đông, Trung Quốc, Đông Nam Á thông qua các hợp đồng cho thuê định hạn. Các hoạt động vận tải quốc tế này có thể được thực hiện ở các khu vực địa lý khác nhau và không cố định, toàn bộ kết quả kinh doanh được ghi nhận tại Việt Nam. Theo đó, Ban Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện tại của Công ty.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2024

Trương Đỗ Thanh Ngân
Người lập

Lê Thanh Chi
Kế toán trưởng



Lê Thị Mai
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND						
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	230.000.000.000	-	839.178.790	1.918.499.046	69.832.167.267	302.589.845.103
Trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm trước	45.998.960.000	-	-	-	(45.998.960.000)	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	14.181.389.163	14.181.389.163
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	(1.748.889.182)	(1.748.889.182)
Số dư cuối năm trước	275.998.960.000	-	839.178.790	1.918.499.046	36.265.707.248	315.022.345.084
Số dư đầu năm nay	275.998.960.000	-	839.178.790	1.918.499.046	36.265.707.248	315.022.345.084
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền trong năm nay	224.355.970.000	(223.600.000)	-	-	-	224.132.370.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	37.724.045.657	37.724.045.657
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	(1.109.069.458)	(1.109.069.458)
Số dư cuối năm nay	500.354.930.000	(223.600.000)	839.178.790	1.918.499.046	72.880.683.447	575.769.691.283

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2024



[Signature]

Lê Thanh Chi
Kế toán trưởng

[Signature]

Trương Đỗ Thanh Ngân
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay	Thương mại	Cho thuê tàu biển	Tư vấn quản lý tàu	Doanh thu khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	81.271.248.850	311.205.566.203	16.576.607.136	384.000.004	-	409.437.422.193
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	81.271.248.850	311.205.566.203	16.576.607.136	384.000.004	-	409.437.422.193
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.341.182.850	117.753.829.039	3.433.157.406	213.053.736	-	123.741.223.031
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(12.203.086.283)	(12.203.086.283)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					111.538.136.748	111.538.136.748
Doanh thu hoạt động tài chính					3.661.621.523	3.661.621.523
Chi phí tài chính					(68.820.951.271)	(68.820.951.271)
Thu nhập khác					762.798.643	762.798.643
Chi phí khác					(33.864.811)	(33.864.811)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(10.642.837.853)	(10.642.837.853)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					1.259.142.678	1.259.142.678
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					37.724.045.657	37.724.045.657
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	790.919.906.123	-	-	-	790.919.906.123
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	90.334.147.745	-	153.977.268	-	90.488.125.013
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Năm trước	Thương mại	Cho thuê tàu biển	Tur vấn quản lý tàu	Doanh thu khác	Các khoản loại trừ	
						Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	271.677.225.160	18.978.325.076	14.342.891.000	403.636.368	-	305.402.077.604
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	271.677.225.160	18.978.325.076	14.342.891.000	403.636.368	-	305.402.077.604
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	14.315.367.265	8.869.113.426	7.305.543.370	249.466.621	-	30.739.490.682
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(9.766.348.248)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						20.973.142.434
Doanh thu hoạt động tài chính						1.819.868.482
Chi phí tài chính						(4.916.958.001)
Thu nhập khác						16.136.341
Chi phí khác						(5.139.803)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(3.788.739.742)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						83.079.452
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						14.181.389.163
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	343.095.320.198	-	-	-	343.095.320.198
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	5.215.758.940	-	153.977.268	-	5.369.736.208
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-



Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Cho thuê tàu biển	Tư vấn quản lý tàu	Doanh thu khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	43.880.294.741	1.050.440.233.366	1.800.000.000	256.628.818	-	1.096.377.156.925
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						142.155.082.819
Tổng tài sản						1.238.532.239.744
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	654.947.369.468	-	-	-	654.947.369.468
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						7.815.178.993
Tổng nợ phải trả						662.762.548.461
Số đầu năm						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	118.247.870.385	386.413.157.652	1.428.687.827	410.606.086	-	506.500.321.950
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						45.462.566.558
Tổng tài sản						551.962.888.508
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	231.059.677.640	-	-	-	231.059.677.640
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						5.880.865.784
Tổng nợ phải trả						236.940.543.424


Trương Đỗ Thanh Ngân
Người lập


Lê Thanh Chi
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2024


Lê Thị Mai
Giám đốc



